TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 31/2022/DS-ST Ngày: 25/02/2022 V/v : Tranh chấp Hợp đồng tín dụng	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Duy Minh Chính

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thái Thục Hiền.

2. Bà Lại Thị Đắc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Trinh – Thư ký của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Nhàn – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 345/2020/TLST-DS ngày 15 tháng 12 năm 2020, về tranh chấp "Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 181/2021/QĐXXST-DS ngày 13/12/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2022/QĐST-DS ngày 26/01/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng A;

Trụ sở: Số 2 đường C, phường D, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Bà Hoàng Thị Tú O; Sinh năm: 1997

Địa chỉ: Số 43 đường E, Phường G, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo văn bản uỷ quyền số 921/GUQ-NHNoCL-PC ngày 09/12/2021.

2. Bị đơn: Bà Phùng Thị Thu H; Sinh năm 1990;

Nơi cư trú: Phòng 3.14, đường M, Phường K, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh;

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn N; Sinh năm: 1988;

Nơi cư trú: Phòng 3.14, đường M, Phường K, Quận 8, Thành phố Hồ Chí

Minh;

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/10/2020 cùng các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, nguyên đơn Ngân hàng Acó bà Hoàng Thị Tú O là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 07/8/2018 bà Phùng Thị Thu H và Ngân hàng A– Chi nhánh B (Sau đây gọi tắt là A Chi nhánh B) có ký kết Hợp đồng thấu chi số: 00681 với nội dung sau:

- Hạn mức thấu chi: 50.000.000 đồng;

- Thời hạn mức thấu chi: 12 tháng (Từ ngày 07/8/2018 đến ngày 07/8/2019). Hiện nay khoản vay trên đã quá hạn gốc kể từ ngày 08/8/2019.

Tại thời điểm ký kết Hợp đồng thấu chi số 00681 với bà H, ông Nguyễn Văn N là chồng của bà H đã lập văn bản bảo lãnh với nội dung cam kết sẽ chịu trách nhiệm với A Chi nhánh B về việc thu hồi nợ thấu chi của bà H theo hợp đồng đã ký. Trường hợp bà H không thanh toán nợ thấu chi cho A Chi nhánh B, ông N xin chịu trách nhiệm thanh toán hết nợ thấu chi (Cả gốc và lãi) phát sinh của bà Phùng Thị Thu H cho A Chi nhánh B.

Từ ngày 08/8/2019 đến nay bà H không thực hiện trả nợ đúng quy định theo Hợp đồng tín dụng đã ký, A Chi nhánh B đã nhiều lần nhắc nợ và có văn bản yêu cầu bà H thực hiện nghĩa vụ trả nợ nêu trên theo Hợp đồng thấu chi số 00681 ngày 07/8/2018 đã ký. Tuy nhiên, bà H vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng A, liên tiếp vi phạm nghĩa vụ như đã cam kết. Ngân hàng cũng đã liên hệ với người bảo lãnh cho bà H là ông Nguyễn Văn N (Chồng bà H) để yêu cầu thực hiện nghĩa vụ như cam kết bảo lãnh mà ông N đã ký nhưng cả bà H và ông N đều không hợp tác, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, không phối hợp bổ sung tài sản bảo đảm để xử lý, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng A.

Do đó, Ngân hàng A khởi kiện để đề nghị Toà án buộc bà Phùng Thị Thu H thanh toán tiền gốc và lãi vay cho ngân hàng cụ thể:

- Tổng nợ gốc và lãi tạm tính đến 25/02/2022 là 68.198.894 đồng. Trong đó nợ gốc là 66.815.000 đồng, lãi quá hạn là 1.383.894 đồng (lãi suất trong hạn: 9%/năm, lãi suất quá hạn: 13,5%/năm).

Bà Phùng Thị Thu H có trách nhiệm thanh toán khoản lãi vay phát sinh từ sau ngày 25/02/2022 cho đến khi bà H thanh toán hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng thấu chi số 00681 ngày 07/8/2018.

Trường hợp bà Phùng Thị Thu H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì yêu cầu ông Nguyễn Văn N thực hiện nghĩa vụ trả khoản nợ của bà Phùng Thị Thu H cho Ngân hàng A.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn – bà Phùng Thị Thu H đến Tòa án để tự khai, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng bà H không đến Tòa án theo giấy triệu tập mà không có lý do chính đáng, bà H cũng không có bất kỳ văn bản nào phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A. Do đó, Tòa án không thể thu thập được lời khai của bà H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án – ông Nguyễn Văn N có đến Toà tự khai xác định trong khoảng thời gian ông N và vợ là bà Phùng Thị Thu H làm việc tại A Chi nhánh B, bà H có ký Hợp đồng thấu chi số: 00681 với hạn mức thấu chi: 50.000.000 đồng; xác nhận tính đến ngày 19/01/2021 bà H còn nợ A Chi nhánh B tổng số tiền là 58.831.850 đồng. Đồng thời ông N thừa nhận lập văn bản bảo lãnh với nội dung cam kết sẽ chịu trách nhiệm với A Chi nhánh B về việc thu hồi nợ thấu chi của bà H theo hợp đồng đã ký, trường hợp bà H không thanh toán nợ thấu chi cho A Chi nhánh B, ông N chịu trách nhiệm thanh toán hết nợ thấu chi phát sinh của bà H cho A Chi nhánh B. Ngoài ra, ông N còn xác nhận hiện nay ông N và bà H cùng cư trú tại Phòng 3.14, đường M, Phường K, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh và đề nghị Toà án tống đạt mọi văn bản, giấy tờ cho ông N, bà H theo địa chỉ trên nếu ông N không có thông báo về nơi cư trú nào khác.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông N trình bày hiện đang gặp khó khăn về tài chính nên vợ chồng ông không thể thanh toán ngay một lần toàn bộ số nợ theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A. Sau đó, mặc dù Toà án đã tống đạt hợp lệ nhiều lần nhưng ông N không đến Tòa án để tham hòa giải và tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập mà không có lý do chính đáng.

Tại phiên tòa,

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – bà Hoàng Thị Tú O có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Bị đơn – bà Phùng Thị Thu H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án – ông Nguyễn Văn N vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 phát biểu ý kiến: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi xét xử thấy rằng:

- Về tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Về thời hạn giải quyết vụ án chưa đảm bảo theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 280, 335, 336, 351, 357, 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngân hàng A khởi kiện bà Phùng Thị Thu H yêu cầu trả nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết, xác định đây là vụ án dân sự về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Do bị đơn – bà Phùng Thị Thu H cư trú tại Quận 8 và trong hồ sơ tín dụng bà H cũng ký xác nhận địa chỉ cư trú tại Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn - Ngân hàng A có bà Hoàng Thị Tú O là đại diện theo ủy quyền có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt bà O.

Bị đơn – bà Phùng Thị Thu H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án – ông Nguyễn Văn N, Tòa án đã triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng bà H, ông N vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt bà H, ông N.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Ngày 07/8/2018 bà Phùng Thị Thu H và Ngân hàng A – Chi nhánh B (Sau đây gọi tắt là A Chi nhánh B) có ký kết Hợp đồng thấu chi số: 00681 với nội dung sau:

- Hạn mức thấu chi: 50.000.000 đồng;

- Thời hạn mức thấu chi: 12 tháng (Từ ngày 07/8/2018 đến ngày 07/8/2019).

Tại thời điểm ký kết Hợp đồng thấu chi số 00681 với bà H, ông Nguyễn Văn N là chồng của bà H đã lập văn bản bảo lãnh với nội dung cam kết sẽ chịu trách nhiệm với A Chi nhánh B về việc thu hồi nợ thấu chi của bà H theo hợp đồng đã ký. Trường hợp bà H không thanh toán nợ thấu chi cho A Chi nhánh B, ông N xin chịu trách nhiệm thanh toán hết nợ thấu chi (Cả gốc và lãi) phát sinh của bà Phùng Thị Thu H cho A Chi nhánh B.

Căn cứ trình bày của ông N tại bản tự khai ngày 19/01/2021, ông N thừa nhận trong khoảng thời gian ông N và vợ là bà Phùng Thị Thu H làm việc tại A Chi nhánh B bà H có ký Hợp đồng thấu chi số: 00681 với hạn mức thấu chi: 50.000.000 đồng, xác nhận tính đến ngày 19/01/2021 bà H còn nợ A Chi nhánh B tổng số tiền là 58.831.850 đồng. Đồng thời ông N còn thừa nhận có lập văn bản bảo lãnh với nội dung cam kết sẽ chịu trách nhiệm với A Chi nhánh B về việc thu hồi nợ thấu chi của bà H theo hợp đồng đã ký. Trường hợp bà H không thanh toán nợ thấu chi cho A Chi nhánh B, ông N chịu trách nhiệm thanh toán hết nợ thấu chi phát sinh của bà Hương cho A Chi nhánh B.

Hội đồng xét xử nhận thấy đây là tình tiết được các bên đương sự thừa nhận, theo quy định tại Khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự "*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*". Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy việc bà Phùng Thị Thu H vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Tính đến ngày 25/02/2022 bà H hiện còn nợ Ngân hàng A tổng nợ gốc và lãi là 68.198.894 đồng. Trong đó nợ gốc là 66.815.000 đồng, lãi quá hạn là 1.383.894 đồng. Trường hợp bà H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì ông N có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả khoản nợ của bà H cho Ngân hàng A là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ngoài ra, bà Phùng Thị Thu H có trách nhiệm thanh toán khoản lãi vay phát sinh từ sau ngày 25/02/2022 cho đến khi bà H thanh toán hết nợ vay theo lãi suất

quy định tại Hợp đồng thấu chi số 00681 ngày 07/8/2018 là phù hợp theo quy định tại Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng.

Đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập đến Tòa án để hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không đến Tòa án theo giấy triệu tập mà không có lý do chính đáng. Điều này xem như bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã từ bỏ quyền và không thực hiện nghĩa vụ tham gia tố tụng tại Tòa án để bảo vệ quyền lợi của mình.

[4] Quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ để chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn – bà Phùng Thị Thu H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án. Cụ thể số tiền án phí dân sự sơ thẩm bà Phùng Thị Thu H phải chịu là: 68.198.894 đồng x 5% = 3.410.000đ (Ba triệu bốn trăm mười nghìn đồng).

- Ngân hàng A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 2 Điều 92, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, Khoản 3 Điều 228, Điều 271, Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13;

Áp dụng:

- Các Điều 280, 335, 336, 351, 357, 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13;

- Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12;

- Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng A về việc yêu cầu bị đơn bà Phùng Thị Thu H trả số nợ gốc và lãi phát sinh theo thoả thuận của Hợp đồng thấu chi số 00681 ngày 07/8/2018, nếu không thanh toán đầy đủ số nợ cho Ngân hàng A thì Ngân hàng A được quyền yêu cầu ông Nguyễn Văn N phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh là phải thanh toán cho Ngân hàng A số nợ gốc và lãi phát sinh theo thoả thuận của Hợp đồng thấu chi số 00681 ngày 07/8/2018.

1.2. Buộc bà Phùng Thị Thu H phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng A tổng nợ gốc và lãi tạm tính đến 25/02/2022 là 68.198.894đ (Sáu mươi tám triệu một trăm chín mươi tám nghìn tám trăm chín mươi bốn đồng). Trong đó nợ gốc là 66.815.000đ (Sáu mươi sáu triệu tám trăm mươi lăm nghìn đồng), lãi quá hạn là 1.383.894đ (Một triệu ba trăm tám mươi tám nghìn tám trăm chín mươi bốn đồng).

Bà Phùng Thị Thu H có trách nhiệm thanh toán khoản lãi vay phát sinh từ sau ngày 25/02/2022 cho đến khi bà H thanh toán hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng thấu chi số 00681 ngày 07/8/2018.

1.3. Trường hợp bà Phùng Thị Thu H không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số nợ cho Ngân hàng A thì buộc ông Nguyễn Văn N phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh là thanh toán cho Ngân hàng A tổng nợ gốc và lãi tạm tính đến 25/02/2022 là 68.198.894đ (Sáu mươi tám triệu một trăm chín mươi tám nghìn tám trăm chín mươi bốn đồng). Trong đó nợ gốc là 66.815.000đ (Sáu mươi sáu triệu tám trăm mươi lăm nghìn đồng), lãi quá hạn là 1.383.894đ (Một triệu ba trăm tám mươi tám nghìn tám trăm chín mươi bốn đồng) và tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc theo Hợp đồng thấu chi số 00681 ngày 07/8/2018 kể từ sau ngày 25/02/2022 cho đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng A.

1.4. Việc thanh toán tiền được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà Phùng Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.410.000đ (Ba triệu bốn trăm mười nghìn đồng). Nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2.2. Hoàn trả lại cho Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.364.963đ (Một triệu ba trăm sáu mươi bốn nghìn chín trăm sáu mươi ba đồng)

theo biên lai thu tiền số 0044735 ngày 11/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8. Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng A, bà Phùng Thị Thu H, ông Nguyễn Văn N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự; Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)
Lương Duy Minh Chính

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Chi cục THADS Q.8;
- VKSND Q.8;
- TAND TP.HCM;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.